TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 12 - 2017
V/v ly hôn giữa anh Kiên và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*Bà Đinh Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Vũ Ngọc Hân

2.Bà Nguyễn Thị Biên

- Thư ký phiên toà:Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân Thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:Ông Nguyễn Ngọc Ước - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 356/2017/TLST – HNGĐ ngày 09/10/2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà số 55/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06/12/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Văn K, sinh năm 1986 (Có mặt)

HKTT và chỗ ở hiện nay: số nhà A đường C, tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1985 (Vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo và tại phiên toà, nguyên đơn là anh Đặng Văn K trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ngày 05/12/2005, anh kết hôn với chị Trần Thị T, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang và tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi kết hôn, anh và chị T có thời

gian tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với nhau ngay tại gia đình anh ở địa chỉ tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến tháng 12 năm 2007 thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Tháng 8 năm 2009, chị Trần Thị T bỏ đi khỏi địa phương, không có liên lạc gì với gia đình. Anh đã về quê của chị T nhiều lần để hỏi tin tức của chị T nhưng không có kết quả. Anh và Tòa án đã đăng thông báo tìm kiếm theo quy định pháp luật nhưng không có thông tin gì của chị T. Ngày 17/6/2013, Tòa án nhân dân thành phố B đã ra Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2013/QĐST-DS tuyên bố chị Trần Thị T mất tích. Từ đó đến nay chị T không quay về địa phương, không thông tin hay liên lạc gì về gia đình. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

- Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung là Đặng Trần T, sinh ngày 11/10/2005. Từ khi chị T bỏ nhà đi, chị T đã đưa cháu Trung đi theo. Hiện nay, anh không biết cháu Trung đang ở đâu nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung.

- Về tài sản chung: Anh xác nhận vợ chồng không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung về tài sản: Anh xác nhận vợ chồng không có và không yêu cầu Toà án giải quyết.

Theo Biên bản xác minh ngày 15/11/2017, ông Hoàng Văn Liên - tổ trưởng tổ dân phố H, phường T, thành phố B cung cấp:

Từ thời điểm Tòa án nhân dân thành phố B ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2013/QĐST-DS ngày 17/6/2013 tuyên bố chị Trần Thị T mất tích đến nay, chị Trần Thị T không trở về địa phương. Hiện nay, chị T ở đâu, làm gì thì địa phương không biết được.

Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn là chị Trần Thị T đã bị tuyên bố mất tích nên Toà án đã tiến hành niêm yết công khai tại nơi cư trú cuối cùng của chị T các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà theo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 16/11/2017, Toà án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2017/QĐXXST-HNGĐ ấn định thời gian mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án nêu trên vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 06/12/2017. Ngày 06/12/2017, do bị đơn là

chị Trần Thị T vắng mặt lần thứ nhất nên Toà án đã hoãn phiên toà và ấn định thời gian mở lại phiên toà vào hồi 07 giờ 30 phút ngày 26/12/2017.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn - anh Đặng Văn K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị Trần Thị T. Các vấn đề con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã bị tuyên bố mất tích nên không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn K, xử: Cho anh Đặng Văn K được ly hôn chị Trần Thị T; Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, anh Kiên không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Anh Kiên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Toà án tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa anh Đặng Văn K và chị Trần Thị T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, chị Trần Thị T có địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú tại: tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Anh Kiên và chị T không tự thoả thuận được việc giải quyết tranh chấp, anh Kiên khởi kiện ra Toà án. Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang giải quyết là phù hợp với các quy định của pháp luật về thẩm quyền tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn K:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Đặng Văn K và chị Trần Thị T kết hôn ngày 05/12/2005 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn và được UBND phường T, thành phố B, tỉnh Bắc

Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Việc kết hôn của anh Kiên và chị T là phù hợp với quy định tại Điều 9 và Điều 11 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống vợ chồng: Anh Kiên và chị T sau khi kết hôn về chung sống với nhau ngay tại địa chỉ: tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Đến tháng 12 năm 2007 thì vợ chồng anh phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau thường xuyên xảy ra cãi vã. Tháng 8 năm 2009, chị Trần Thị T bỏ đi khỏi địa phương, không có liên lạc gì với gia đình. Anh Kiên và Tòa án đã đăng thông báo tìm kiếm theo quy định pháp luật nhưng không có thông tin gì của chị T. Ngày 17/6/2013, Tòa án nhân dân thành phố B đã ra Quyết định giải quyết việc dân sự số 01/2013/QĐST-DS tuyên bố chị Trần Thị T mất tích. Từ đó đến nay chị T không quay về địa phương, không thông tin hay liên lạc gì về gia đình. Nay anh Kiên xác định tình cảm vợ chồng với chị T không còn, đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn chị T. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh Kiên và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, chị T đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2009 đến nay không có tin tức gì. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Kiên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về con chung:* Anh Đặng Văn K và chị Trần Thị T có 01 con chung là Đặng Trần T, sinh ngày 11/10/2005. Từ khi chị T bỏ nhà đi đã đưa cháu Trung đi theo. Hiện nay, anh Kiên không biết cháu Trung đang ở đâu và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:* Các đương sự không yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh Đặng Văn K là nguyên đơn nên anh Kiên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 51, Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Đặng Văn K và chị Trần Thị T.

2. Về con chung: Anh Đặng Văn K không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Anh Đặng Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh Kiên đã nộp theo biên lai số AA/2012/06296 ngày 05/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận anh Kiên đã thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND T. B;
- VKS TP B,
- CCTHA dân sự TP.
- Các đương sự,
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Vân Anh